

Số: 08 /2019/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 03 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách cấp bù lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số 2689/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua dự thảo Nghị quyết quy định chính sách cấp bù lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp; mức vốn ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư theo danh mục do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Tất cả doanh nghiệp theo Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này, trong đó Doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án đầu tư đảm bảo điều kiện được hỗ trợ theo quy định thì được ưu tiên xem xét hỗ trợ trước.

Điều 4. Chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo danh mục do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

1. Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay tại các ngân hàng thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ. Trong đó:

a) Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại.

b) Mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

2. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

a) Tối đa 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; tối đa 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư.

b) Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm.

c) Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

3. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

4. Phương thức hỗ trợ

a) Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho doanh nghiệp chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký.

b) Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

Điều 5. Nguồn và mức vốn thực hiện chính sách

1. Ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách tỉnh hàng năm (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) cho ngành nông nghiệp để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào khả năng cân đối vốn của từng giai đoạn và hàng năm, nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng mức kế hoạch vốn từng giai đoạn và hàng năm để thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Điều 6. Hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ

Hồ sơ, trình tự đề nghị hỗ trợ; Nghiệm thu hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án; Thủ tục nhận hỗ trợ thực hiện theo Điều 17 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, Khóa IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 13 tháng 7 năm 2019. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Kiểm toán nhà nước khu vực IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, KH&ĐT, TN&MT, NN&PTNT, LĐ-TB&XH, GD&ĐT, VH-TT&DL;
- Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh, Trang TTĐT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phan Văn Mãi